TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 283/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08/8/2024 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Hòa**

Bà **Vũ Thị Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Y**; sinh năm 1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC P, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị Y ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; địa chỉ: KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1989; địa chỉ: KDC P, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Y trình bày: Chị và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 22/4/2016. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau về tính cách và lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2020 chị sinh con thứ hai mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn do thu nhập của hai vợ chồng thấp, lại phải nuôi hai con nhỏ, kinh tế phải phụ

thuộc vào gia đình nhà chồng nên vợ chồng liên tục xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Anh D có lần đề nghị ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ nên chị không đồng ý. Vợ chồng bàn bạc thống nhất nên năm 2022 chị đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu chị có liên lạc về gia đình nhưng vợ chồng xảy ra cãi nhau nên chị không liên lạc về nữa. Tháng 8/2023 chị về nghỉ phép nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Trường S, sinh ngày 15/12/2017 và Lê Trường G, sinh ngày 04/02/2020, hiện các con đang ở với anh D. Do đang lao động tại Nhật Bản, chị chưa về nước được nên chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.500.000đ/tháng, cả hai con chung là 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho anh Đặng Thái L thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản ghi khai, anh Lê Văn D trình bày: Điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn giữa anh và chị Y đúng như chị Y đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2022 thì chị Y đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu chị Y vẫn liên lạc về cho bố con anh nhưng chỉ được 6 tháng vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Y chơi bời, không liên lạc, không quan tâm đến gia đình chồng con. Do chị Y không liên lạc với anh nên anh đã nhờ bố mẹ chị Y khuyên bảo nhưng không có kết quả, anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù không mong muốn ly hôn, nhưng chị Y Cương quyết xin ly hôn nên anh nhất trí.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị Y trình bày là đúng. Anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nhất trí việc chị Y tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.500.000đ/tháng, cả hai con là 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người được chị Y ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Đặng Thái L trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị Y, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị Y biết, chị

Y vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Đỗ Thị Y ly hôn anh Lê Văn D; về con chung: Giao con chung Lê Trường S và Lê Trường G cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị Y cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.500.000đ/tháng, cả hai con chung là 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Y phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Y có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu dân cư P, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang làm việc, sinh sống tại Nhật Bản; bị đơn anh Lê Văn D hiện đang sinh sống tại phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị Y không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh Đặng Thái L nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn và các tài liệu khác của chị đã được Đại sứ quán nước C tại Nhật Bản chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Y và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 22/4/2016 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị Y, anh D, có cơ sở xác định trong cuộc sống chị Y và anh D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, điều kiện kinh tế khó khăn, anh chị thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Anh chị đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chị Y

xin ly hôn, anh D nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Cháu Lê Trường S, sinh ngày 15/12/2017 và Lê Trường G, sinh ngày 04/02/2020 là con chung của chị Y và anh D, hiện đang ở với anh D. Chị Y và anh D thống nhất giao cả hai con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Y tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 2.500.000đ/tháng, cả hai con chung là 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. HĐXX thấy thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận thỏa thuận của chị Y, anh D, giao con chung Lê Trường S và Lê Trường G cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Y tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.500.000đ/tháng, cả hai con chung là 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh D nhất trí nên cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Y.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y, anh D cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn, đồng thời phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Y, xử cho chị Đỗ Thị Y ly hôn anh Lê Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Lê Văn D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cá con chung là Lê Trường S, sinh ngày 15/12/2017 và Lê Trường G, sinh ngày 04/02/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung cùng anh D là 2.500.000đ/tháng, cả hai con chung là 5.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể

từ tháng 8/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Đỗ Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị Y không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000779 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Đặng Thái L nộp thay), chị Y còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; anh Lê Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu